

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Tờ trình số: 25 /TTr-LTV, ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Lương Thế Vinh)

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
1				Nguyễn Quốc Đạt	Nam	13/01/2010	Quảng Ngãi						Tuyển thẳng	Khuyết tật
2				Huỳnh Diễm Thúy	Nữ	11/08/2010	Thừa Thiên - Huế						Tuyển thẳng	Khuyết tật
3	210088	P.04	LTV	Huỳnh Minh Hiếu	Nam	17/05/2010	Quảng Ngãi	7,75	7,00	7,80		22,55	NV1	
4	210095	P.04	LTV	Đổng Thu Hoài	Nữ	08/09/2010	Quảng Ngãi	8,50	6,50	7,20		22,20	NV1	
5	210094	P.04	LTV	Trần Đồng Thương Hiệu	Nữ	16/12/2010	Quảng Ngãi	7,50	5,50	8,10		21,10	NV1	
6	210208	P.09	LTV	Ngô Ngọc Bảo Như	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	6,50	7,50	7,00		21,00	NV1	
7	210104	P.05	LTV	Phạm Quốc Hùng	Nam	11/09/2010	Quảng Ngãi	8,25	7,50	4,70		20,45	NV1	
8	210192	P.08	LTV	Thị Quang Nguyên	Nam	26/05/2010	Quảng Ngãi	5,75	5,50	9,10		20,35	NV1	
9	210326	P.14	LTV	Nguyễn Lệ Hà Xuyên	Nữ	05/02/2010	Quảng Ngãi	7,50	7,25	5,50		20,25	NV1	
10	210081	P.04	LTV	Huỳnh Thị Thanh Hằng	Nữ	09/01/2010	Quảng Ngãi	8,00	5,50	6,70		20,20	NV1	
11	210112	P.05	LTV	Lê Thu Huyền	Nữ	23/09/2010	Quảng Ngãi	7,25	6,00	6,90		20,15	NV1	
12	210082	P.04	LTV	Phạm Thanh Hằng	Nữ	10/11/2010	Quảng Ngãi	8,00	6,50	5,30		19,80	NV1	
13	210037	P.02	LTV	Nguyễn Ngọc Kỳ Diệu	Nữ	24/05/2010	Quảng Ngãi	7,50	6,25	6,00		19,75	NV1	
14	210180	P.08	LTV	Võ Thanh Ngân	Nữ	24/04/2010	Quảng Ngãi	7,25	6,00	6,50		19,75	NV1	
15	210191	P.08	LTV	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	Nữ	12/08/2010	Quảng Ngãi	8,00	5,50	6,10		19,60	NV1	
16	210262	P.11	LTV	Nguyễn Đình Thuận	Nam	27/11/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,25	6,60		19,60	NV1	
17	210290	P.13	LTV	Huỳnh Lê Bảo Trân	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,00	7,00		19,25	NV1	
18	210121	P.06	LTV	Nguyễn Duy Khanh	Nam	28/02/2010	Quảng Ngãi	6,00	6,00	7,20		19,20	NV1	
19	210312	P.13	LTV	Trần Thị Minh Tuyết	Nữ	20/05/2010	Quảng Ngãi	7,50	6,75	4,90		19,15	NV1	
20	210002	P.01	LTV	Huỳnh Thị Ngọc An	Nữ	13/05/2010	Quảng Ngãi	6,75	7,25	5,10		19,10	NV1	
21	210072	P.03	LTV	Trương Huỳnh Thu Giang	Nữ	25/06/2010	Quảng Ngãi	7,50	7,00	4,60		19,10	NV1	
22	210064	P.03	LTV	Huỳnh Thị Tâm Đoan	Nữ	02/03/2010	Quảng Ngãi	8,00	6,50	4,50		19,00	NV1	
23	210070	P.03	LTV	Nguyễn Thị Kim Giang	Nữ	14/11/2010	Quảng Ngãi	8,25	6,25	4,40		18,90	NV1	
24	210033	P.02	LTV	Nguyễn Công Danh	Nam	21/06/2010	Quảng Ngãi	5,75	6,75	6,30		18,80	NV1	
25	210319	P.14	LTV	Huỳnh Yến Vy	Nữ	23/03/2010	Quảng Ngãi	8,25	6,25	4,30		18,80	NV1	
26	210098	P.05	LTV	Bạch Phi Hồ	Nam	14/06/2010	Quảng Ngãi	7,00	5,50	4,70	1,50	18,70	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
27	210295	P.13	LTV	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	13/07/2010	Đắk Nông	7,50	5,50	5,70		18,70	NV1	
28	210210	P.09	LTV	Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	21/05/2010	Thừa Thiên Huế	6,75	5,75	6,10		18,60	NV1	
29	210274	P.12	LTV	Võ Hữu Tinh	Nam	10/02/2010	Quảng Ngãi	7,00	7,50	4,10		18,60	NV1	
30	210024	P.01	LTV	Nguyễn Đồng Can	Nam	12/11/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,00	6,30		18,55	NV1	
31	210067	P.03	LTV	Bùi Anh Đức	Nam	08/04/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,50	5,30		18,55	NV1	
32	210242	P.11	LTV	Huỳnh Hoàng Sang	Nam	06/09/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,25	5,50		18,50	NV1	
33	210217	P.10	LTV	Nguyễn Hoàng Oanh	Nữ	06/03/2010	Quảng Ngãi	6,25	7,00	5,20		18,45	NV1	
34	210116	P.05	LTV	Trần Trung Khải	Nam	24/01/2010	Quảng Ngãi	7,00	7,00	4,30		18,30	NV1	
35	210177	P.08	LTV	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	05/11/2010	Quảng Ngãi	6,50	4,50	7,30		18,30	NV1	
36	210264	P.11	LTV	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	09/04/2010	Quảng Ngãi	7,00	5,75	5,50		18,25	NV1	
37	210283	P.12	LTV	Đặng Thị Đoan Trang	Nữ	10/06/2010	Quảng Ngãi	8,50	3,00	6,70		18,20	NV1	
38	210307	P.13	LTV	Lê Tuấn Tú	Nam	03/01/2010	Quảng Ngãi	7,25	5,75	5,20		18,20	NV1	
39	210316	P.14	LTV	Nguyễn Thị Minh Việt	Nữ	04/02/2010	Quảng Ngãi	6,50	6,25	5,40		18,15	NV1	
40	210204	P.09	LTV	Nguyễn Huỳnh Thảo Nhiên	Nữ	29/08/2010	Quảng Ngãi	8,25	4,25	5,50		18,00	NV1	
41	210261	P.11	LTV	Võ Thị Trúc Thu	Nữ	23/02/2010	Quảng Ngãi	6,50	7,00	4,40		17,90	NV1	
42	210293	P.13	LTV	Nguyễn Lê Phương Trinh	Nữ	24/03/2010	Quảng Ngãi	8,25	3,75	5,90		17,90	NV1	
43	210048	P.02	LTV	Nguyễn Kỳ Duyên	Nữ	04/09/2010	Quảng Ngãi	7,25	6,50	4,10		17,85	NV1	
44	210090	P.04	LTV	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	29/08/2010	Quảng Ngãi	7,25	5,75	4,60		17,60	NV1	
45	210215	P.09	LTV	Lê Kim Oanh	Nữ	02/01/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,75	5,60		17,60	NV1	
46	210325	P.14	LTV	Hồ Bảo Xuyên	Nữ	30/07/2010	Quảng Ngãi	7,25	5,25	5,10		17,60	NV1	
47	210220	P.10	LTV	Nguyễn Tiến Phát	Nam	01/11/2010	Quảng Ngãi	6,50	6,25	4,80		17,55	NV1	
48	210266	P.12	LTV	Phan Ngọc Anh Thư	Nữ	10/11/2010	Quảng Ngãi	6,00	6,00	5,50		17,50	NV1	
49	210069	P.03	LTV	Lê Thanh Giang	Nam	06/01/2010	Quảng Ngãi	5,75	7,00	4,50		17,25	NV1	
50	210281	P.12	LTV	Nguyễn Minh Toàn	Nam	14/01/2010	Quảng Ngãi	8,25	5,00	4,00		17,25	NV1	
51	210012	P.01	LTV	Trần Vũ Trâm Anh	Nữ	09/04/2010	Quảng Ngãi	6,75	5,75	4,70		17,20	NV1	
52	210212	P.09	LTV	Nguyễn Thị Yến Như	Nữ	30/08/2010	Quảng Ngãi	8,00	5,00	4,20		17,20	NV1	
53	210061	P.03	LTV	Trần Văn Đạt	Nam	20/07/2010	Quảng Ngãi	5,75	5,75	5,60		17,10	NV1	
54	210010	P.01	LTV	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	25/09/2010	Quảng Ngãi	6,50	6,00	4,50		17,00	NV1	
55	210032	P.02	LTV	Phạm Hoàng Cúc	Nữ	04/07/2010	Quảng Ngãi	6,75	5,50	4,70		16,95	NV1	
56	210185	P.08	LTV	Võ Trọng Nghĩa	Nam	19/08/2010	Quảng Ngãi	4,75	4,50	7,70		16,95	NV1	
57	210282	P.12	LTV	Võ Phương Trà	Nữ	30/12/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,50	4,40	1,00	16,90	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
58	210172	P.08	LTV	Phạm Lin Na	Nữ	15/10/2010	Quảng Ngãi	8,00	3,00	5,80		16,80	NV1	
59	210158	P.07	LTV	Phan Huỳnh Tấn Lực	Nam	21/05/2010	Quảng Ngãi	6,00	7,25	3,50		16,75	NV1	
60	210248	P.11	LTV	Nguyễn Tiến Tài	Nam	01/11/2010	Quảng Ngãi	5,25	7,25	4,20		16,70	NV1	
61	210245	P.11	LTV	Nguyễn Cao Bá Sinh	Nam	11/06/2010	Quảng Ngãi	7,25	4,00	5,40		16,65	NV1	
62	210277	P.12	LTV	Nguyễn Trí Tịnh	Nam	30/09/2010	Tp Hồ Chí Minh	6,75	5,50	4,40		16,65	NV1	
63	210142	P.06	LTV	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	09/05/2010	Quảng Ngãi	5,50	5,75	5,30		16,55	NV1	
64	210236	P.10	LTV	Võ Ngọc Quý	Nam	11/07/2010	Quảng Ngãi	7,50	4,25	4,80		16,55	NV1	
65	210276	P.12	LTV	Thiều Quang Tinh	Nam	20/09/2010	Quảng Ngãi	6,50	6,75	3,30		16,55	NV1	
66	210066	P.03	LTV	Nguyễn Nhật Đông	Nam	10/11/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,00	3,60		16,35	NV1	
67	210297	P.13	LTV	Bùi Quốc Trọng	Nam	24/07/2010	Quảng Ngãi	6,50	4,75	5,10		16,35	NV1	
68	210300	P.13	LTV	Trần Ngọc Trúc	Nữ	19/07/2010	Quảng Ngãi	7,25	3,50	5,60		16,35	NV1	
69	210019	P.01	LTV	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	Nam	31/07/2010	Quảng Ngãi	6,00	5,50	4,80		16,30	NV1	
70	210056	P.03	LTV	Huỳnh Tấn Đạt	Nam	16/05/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,75	4,30		16,30	NV1	
71	210147	P.07	LTV	Nguyễn Lê Uyên Linh	Nữ	12/12/2010	Quảng Ngãi	6,50	5,00	4,80		16,30	NV1	
72	210166	P.07	LTV	Võ Thị Thanh Mai	Nữ	15/06/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,75	5,30		16,30	NV1	
73	210054	P.03	LTV	Bùi Quốc Đạt	Nam	03/05/2010	Quảng Ngãi	5,50	5,75	4,90		16,15	NV1	
74	210258	P.11	LTV	Lê Nhật Thiên	Nam	10/03/2010	Quảng Ngãi	4,25	3,50	8,40		16,15	NV1	
75	210205	P.09	LTV	Lê Đỗ Thành Nhơn	Nam	09/12/2010	Quảng Ngãi	8,50	3,50	4,10		16,10	NV1	
76	210313	P.14	LTV	Nguyễn Phi Long Tứ	Nam	07/01/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,25	5,50		16,00	NV1	
77	210322	P.14	LTV	Trần Phạm Tường Vy	Nữ	10/10/2010	Tiền Giang	7,50	4,00	4,50		16,00	NV1	
78	210221	P.10	LTV	Phạm Đình Phát	Nam	18/04/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,50	3,20		15,95	NV1	
79	210020	P.01	LTV	Nguyễn Hoài Bảo	Nam	16/09/2010	Quảng Ngãi	6,00	6,00	3,90		15,90	NV1	
80	210273	P.12	LTV	Võ Văn Tín	Nam	21/04/2010	Quảng Ngãi	5,50	3,00	7,40		15,90	NV1	
81	210152	P.07	LTV	Đoàn Nguyễn Tấn Lộc	Nam	19/11/2010	Quảng Ngãi	6,00	7,00	2,80		15,80	NV1	
82	210202	P.09	LTV	Đặng Nguyễn Phương Nhi	Nữ	15/05/2010	Quảng Ngãi	8,50	5,50	1,80		15,80	NV1	
83	210285	P.12	LTV	Vũ Thạch Hồng Trang	Nữ	18/11/2010	Quảng Ngãi	8,00	4,50	3,30		15,80	NV1	
84	210299	P.13	LTV	Lê Huyền Thanh Trúc	Nữ	10/11/2010	Quảng Ngãi	8,00	2,50	5,30		15,80	NV1	
85	210153	P.07	LTV	Nguyễn Thái Lộc	Nam	19/11/2010	Quảng Ngãi	5,00	5,25	5,50		15,75	NV1	
86	210308	P.13	LTV	Bùi Minh Tuấn	Nam	18/01/2010	Quảng Ngãi	6,50	3,75	5,50		15,75	NV1	
87	210111	P.05	LTV	Võ Bùi Gia Huy	Nam	07/04/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,00	3,40		15,65	NV1	
88	210029	P.02	LTV	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	09/05/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,50	4,10		15,60	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
89	210328	P.14	LTV	Võ Ngọc Như Ý	Nữ	09/10/2010	Quảng Ngãi	7,75	4,25	3,60		15,60	NV1	
90	210039	P.02	LTV	Phạm Minh Diệu	Nữ	23/01/2010	Quảng Ngãi	7,75	3,50	4,30		15,55	NV1	
91	210074	P.04	LTV	Nguyễn Thị Khánh Hà	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,50	4,30		15,55	NV1	
92	210110	P.05	LTV	Trần Quang Huy	Nam	10/01/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,25	4,30		15,55	NV1	
93	210103	P.05	LTV	Nguyễn Minh Hùng	Nam	11/02/2010	Quảng Ngãi	5,25	7,00	3,20		15,45	NV1	
94	210329	P.14	LTV	Trần Thị Thanh Yên	Nữ	30/04/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,50	4,20		15,45	NV1	
95	210139	P.06	LTV	Đỗ Thị Thúy Kiều	Nữ	25/01/2010	Quảng Ngãi	7,50	5,00	2,90		15,40	NV1	
96	210195	P.09	LTV	Võ Thanh Nhân	Nam	24/11/2009	Quảng Ngãi	7,75	5,00	2,60		15,35	NV1	
97	210315	P.14	LTV	Trần Thị Tường Vi	Nữ	14/08/2010	Bình Thuận	7,00	5,00	3,30		15,30	NV1	
98	210076	P.04	LTV	Nguyễn Duy Hải	Nam	23/01/2010	Quảng Ngãi	5,50	6,25	3,50		15,25	NV1	
99	210117	P.05	LTV	Nguyễn Đình Khang	Nam	13/05/2010	Quảng Ngãi	7,00	5,00	3,20		15,20	NV1	
100	210071	P.03	LTV	Nguyễn Võ Trường Giang	Nam	25/10/2010	Quảng Ngãi	7,50	5,00	2,60		15,10	NV1	
101	210149	P.07	LTV	Phạm Khánh Linh	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	5,75	3,75	5,60		15,10	NV1	
102	210323	P.14	LTV	Nguyễn Anh Vỹ	Nam	01/05/2010	Quảng Ngãi	7,25	4,00	3,70		14,95	NV1	
103	210005	P.01	LTV	Huỳnh Trâm Anh	Nữ	17/09/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,75	3,40		14,90	NV1	
104	210125	P.06	LTV	Trần Duy Khánh	Nam	22/04/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,75	2,90		14,90	NV1	
105	210194	P.09	LTV	Huỳnh Như Nguyệt	Nữ	23/05/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,25	3,40		14,90	NV1	
106	210255	P.11	LTV	Nguyễn Tấn Hữu Thành	Nam	26/06/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,75	2,90		14,90	NV1	
107	210272	P.12	LTV	Huỳnh Ngọc Tín	Nam	13/11/2010	Quảng Ngãi	6,50	5,00	3,40		14,90	NV1	
108	210018	P.01	LTV	Huỳnh Gia Bảo	Nam	17/09/2010	Quảng Ngãi	6,50	4,75	3,60		14,85	NV1	
109	210046	P.02	LTV	Lê Mỹ Duyên	Nữ	30/04/2010	Quảng Ngãi	6,25	4,25	4,20		14,70	NV1	
110	210170	P.08	LTV	Nguyễn Ly Na	Nữ	07/10/2010	Quảng Ngãi	6,75	2,75	5,20		14,70	NV1	
111	210080	P.04	LTV	Phan Ngọc Quốc Hào	Nam	18/05/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,75	2,90		14,65	NV1	
112	210246	P.11	LTV	Cao Thái Sơn	Nam	04/07/2010	Quảng Ngãi	6,00	6,25	2,40		14,65	NV1	
113	210027	P.02	LTV	Nguyễn Thanh Cao	Nam	04/09/2010	Quảng Ngãi	5,25	6,00	3,30		14,55	NV1	
114	210203	P.09	LTV	Đinh Thị Yến Nhi	Nữ	22/10/2010	Quảng Ngãi	7,50	3,75	3,30		14,55	NV1	
115	210232	P.10	LTV	Nguyễn Su Pin	Nam	24/07/2010	Quảng Ngãi	5,75	2,50	6,30		14,55	NV1	
116	210292	P.13	LTV	Trần Cao Trí	Nam	01/03/2010	Quảng Nam	3,50	6,00	5,00		14,50	NV1	
117	210003	P.01	LTV	Nguyễn Văn An	Nam	22/12/2010	Quảng Ngãi	7,00	3,50	3,90		14,40	NV1	
118	210155	P.07	LTV	Phạm Thành Luân	Nam	08/02/2010	Quảng Ngãi	5,50	6,00	2,90		14,40	NV1	
119	210057	P.03	LTV	Lê Đình Đạt	Nam	23/02/2010	Quảng Ngãi	6,00	4,25	4,10		14,35	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
120	210268	P.12	LTV	Nguyễn Ngọc Xuân Thy	Nữ	04/06/2010	Đồng Nai	6,50	3,25	4,60		14,35	NV1	
121	210052	P.03	LTV	Thạch Cảnh Thùy Dương	Nữ	01/11/2010	Quảng Ngãi	5,25	4,75	4,30		14,30	NV1	
122	210233	P.10	LTV	Phạm Tiến Quang	Nam	08/11/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,00	3,30		14,30	NV1	
123	210085	P.04	LTV	Nguyễn Quỳnh Hân	Nữ	19/02/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,25	6,00		14,25	NV1	
124	210007	P.01	LTV	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	22/03/2010	Quảng Ngãi	4,75	3,75	5,70		14,20	NV1	
125	210146	P.07	LTV	Đặng Quang Linh	Nam	09/04/2010	Quảng Ngãi	4,00	4,50	5,70		14,20	NV1	
126	210009	P.01	LTV	Nguyễn Phạm Phương Anh	Nữ	13/09/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,75	3,50		14,00	NV1	
127	210265	P.12	LTV	Cao Nguyễn Minh Thư	Nữ	10/12/2010	Quảng Ngãi	8,25	2,75	3,00		14,00	NV1	
128	210284	P.12	LTV	Võ Thị Nhã Trang	Nữ	20/03/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,25	3,50		14,00	NV1	
129	210257	P.11	LTV	Bùi Quang Thắng	Nam	23/08/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,75	3,40		13,90	NV1	
130	210001	P.01	LTV	Huỳnh Lê Phúc An	Nam	05/11/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,50	2,60		13,85	NV1	
131	210118	P.05	LTV	Nguyễn Thái Quốc Khang	Nam	02/06/2010	Quảng Ngãi	5,50	4,75	3,40		13,65	NV1	
132	210181	P.08	LTV	Đàm Minh Nghĩa	Nam	07/01/2010	Quảng Ngãi	5,25	4,75	3,60		13,60	NV1	
133	210216	P.09	LTV	Lê Võ Kiều Oanh	Nữ	08/05/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,75	3,10		13,60	NV1	
134	210154	P.07	LTV	Lê Nguyễn Bảo Luân	Nam	30/07/2010	Quảng Ngãi	5,50	4,25	3,80		13,55	NV1	
135	210034	P.02	LTV	Võ Thành Danh	Nam	06/02/2010	Quảng Ngãi	6,50	3,25	3,70		13,45	NV1	
136	210068	P.03	LTV	Võ Minh Đức	Nam	16/03/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,00	3,20		13,45	NV1	
137	210131	P.06	LTV	Huỳnh Ngọc Khôi	Nam	28/12/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,25	5,20		13,45	NV1	
138	210249	P.11	LTV	Lê Trọng Tân	Nam	25/02/2010	Ninh Thuận	4,25	5,75	3,40		13,40	NV1	
139	210077	P.04	LTV	Trần Hoàng Hải	Nam	11/04/2010	Quảng Ngãi	7,00	3,75	2,60		13,35	NV1	
140	210108	P.05	LTV	Trần Đức Huy	Nam	09/03/2010	Quảng Ngãi	4,50	3,25	5,60		13,35	NV1	
141	210035	P.02	LTV	Lê Thị Kiều Diễm	Nữ	09/12/2010	Quảng Ngãi	6,50	2,50	4,30		13,30	NV1	
142	210206	P.09	LTV	Huỳnh Nguyễn Bảo Như	Nữ	17/05/2010	Quảng Ngãi	4,50	4,50	4,30		13,30	NV1	
143	210075	P.04	LTV	Đào Thanh Hải	Nam	13/09/2010	Quảng Ngãi	6,50	3,75	3,00		13,25	NV1	
144	210157	P.07	LTV	Phan Vũ Tấn Luận	Nam	21/04/2010	Quảng Ngãi	4,25	4,50	4,50		13,25	NV1	
145	210201	P.09	LTV	Trần Tuấn Nhật	Nam	04/12/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,00	2,00		13,25	NV1	
146	210004	P.01	LTV	Võ Phạm Thảo An	Nữ	27/03/2010	Quảng Ngãi	6,50	3,00	3,70		13,20	NV1	
147	210144	P.06	LTV	Bùi Công Lập	Nam	09/04/2010	Quảng Ngãi	4,25	3,75	5,20		13,20	NV1	
148	210028	P.02	LTV	Nguyễn Thị Bảo Châu	Nữ	07/03/2010	Quảng Ngãi	5,75	5,00	2,40		13,15	NV1	
149	210164	P.07	LTV	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	01/10/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,50	3,60		13,10	NV1	
150	210017	P.01	LTV	Huỳnh Gia Bảo	Nam	09/07/2009	Tp Hồ Chí Minh	5,00	4,75	3,30		13,05	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
151	210129	P.06	LTV	Văn Quang Khoa	Nam	27/04/2010	Quảng Ngãi	4,50	3,75	4,80		13,05	NV1	
152	210089	P.04	LTV	Nguyễn Chí Hiếu	Nam	02/04/2010	Quảng Ngãi	7,00	4,00	2,00		13,00	NV1	
153	210123	P.06	LTV	Nguyễn Duy Khánh	Nam	15/06/2010	Quảng Ngãi	4,50	5,00	3,50		13,00	NV1	
154	210178	P.08	LTV	Nguyễn Lê Bích Ngân	Nữ	08/02/2009	Quảng Ngãi	6,50	1,50	5,00		13,00	NV1	
155	210083	P.04	LTV	Tô Thúy Hằng	Nữ	12/06/2010	Quảng Ngãi	8,00	2,25	2,70		12,95	NV1	
156	210093	P.04	LTV	Thới Thị Thanh Hiệu	Nữ	23/05/2010	Quảng Ngãi	6,25	4,00	2,70		12,95	NV1	
157	210207	P.09	LTV	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	16/02/2010	Quảng Ngãi	6,50	3,75	2,70		12,95	NV1	
158	210213	P.09	LTV	Phạm Quỳnh Như	Nữ	19/07/2010	Quảng Ngãi	5,25	3,50	4,20		12,95	NV1	
159	210036	P.02	LTV	Nguyễn Kiều Diễm	Nữ	11/08/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,75	2,40		12,90	NV1	
160	210296	P.13	LTV	Phạm Thị Tú Trinh	Nữ	26/11/2010	Quảng Ngãi	6,00	4,00	2,90		12,90	NV1	
161	210059	P.03	LTV	Nguyễn Thành Đạt	Nam	28/06/2010	Quảng Ngãi	6,50	2,75	3,60		12,85	NV1	
162	210044	P.02	LTV	Nguyễn Nhật Duy	Nam	07/09/2010	Quảng Ngãi	6,00	4,50	2,30		12,80	NV1	
163	210309	P.13	LTV	Lê Trần Anh Tuấn	Nam	10/03/2010	Quảng Ngãi	6,75	1,75	4,30		12,80	NV1	
164	210011	P.01	LTV	Trần Văn Anh	Nam	19/06/2009	Quảng Nam	5,75	3,75	3,20		12,70	NV1	
165	210314	P.14	LTV	Võ Mỹ Vĩnh Tường	Nữ	11/02/2010	Bình Định	6,50	3,00	3,20		12,70	NV1	
166	210008	P.01	LTV	Nguyễn Khải Anh	Nam	08/04/2010	Thừa Thiên Huế	4,50	2,00	6,10		12,60	NV1	
167	210031	P.02	LTV	Võ Thành Chung	Nam	02/09/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,25	3,30		12,55	NV1	
168	210183	P.08	LTV	Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	05/01/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,00	1,80		12,55	NV1	
169	210199	P.09	LTV	Nguyễn Trung Nhật	Nam	21/02/2010	Quảng Ngãi	6,25	3,50	2,80		12,55	NV1	
170	210224	P.10	LTV	Lê Thành Phong	Nam	05/09/2010	Quảng Ngãi	5,50	3,25	3,80		12,55	NV1	
171	210182	P.08	LTV	Huỳnh Hiếu Nghĩa	Nam	06/01/2010	Quảng Ngãi	6,00	2,50	4,00		12,50	NV1	
172	210141	P.06	LTV	Ngô Tuấn Lâm	Nam	22/02/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,25	4,20		12,45	NV1	
173	210250	P.11	LTV	Đặng Hữu Trọng Tấn	Nam	26/05/2010	Quảng Ngãi	5,50	4,75	2,20		12,45	NV1	
174	210050	P.03	LTV	Nguyễn Lê Đại Dương	Nam	20/06/2010	Quảng Ngãi	6,25	3,75	2,40		12,40	NV1	
175	210122	P.06	LTV	Huỳnh Duy Khánh	Nam	29/07/2010	Quảng Ngãi	4,50	4,75	3,10		12,35	NV1	
176	210263	P.11	LTV	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	08/06/2010	Quảng Ngãi	7,50	3,00	1,80		12,30	NV1	
177	210305	P.13	LTV	Đặng Nguyễn Minh Tú	Nam	22/09/2010	Quảng Ngãi	5,50	3,50	3,30		12,30	NV1	
178	210006	P.01	LTV	Nguyễn Đức Anh	Nam	04/09/2010	Quảng Ngãi	4,50	4,25	3,50		12,25	NV1	
179	210160	P.07	LTV	Lê Hoàng Khánh Ly	Nữ	25/08/2010	Quảng Ngãi	5,00	4,75	2,50		12,25	NV1	
180	210148	P.07	LTV	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	16/01/2010	Quảng Ngãi	5,50	4,00	2,70		12,20	NV1	
181	210298	P.13	LTV	Lê Minh Trọng	Nam	16/10/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,00	4,20		12,20	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
182	210225	P.10	LTV	Võ Ngô Duy Phong	Nam	03/02/2010	Quảng Ngãi	5,00	4,25	2,90		12,15	NV1	
183	210269	P.12	LTV	Phạm Ngọc Tiền	Nam	04/12/2010	Quảng Ngãi	5,50	4,25	2,40		12,15	NV1	
184	210186	P.08	LTV	Lê Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	22/03/2010	Quảng Ngãi	6,50	2,00	3,60		12,10	NV1	
185	210188	P.08	LTV	Bùi Thảo Nguyên	Nam	04/03/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,25	2,80		12,05	NV1	
186	210021	P.01	LTV	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	15/06/2010	Quảng Ngãi	5,25	3,25	3,50		12,00	NV1	
187	210135	P.06	LTV	Nguyễn Hữu Kiên	Nam	08/05/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,00	3,00		12,00	NV1	
188	210231	P.10	LTV	Trần Khánh Phương	Nam	29/06/2009	Quảng Ngãi	6,75	3,25	2,00		12,00	NV1	
189	210327	P.14	LTV	Nguyễn Duy Như Ý	Nữ	05/11/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,00	3,00		12,00	NV1	
190	210161	P.07	LTV	Lê Thị Diễm Ly	Nữ	18/05/2010	Quảng Ngãi	5,00	4,25	2,70		11,95	NV1	
191	210198	P.09	LTV	Nguyễn Hoàng Long Nhật	Nam	14/02/2010	Quảng Ngãi	6,00	2,75	3,20		11,95	NV1	
192	210026	P.02	LTV	Huỳnh Minh Cảnh	Nam	02/02/2010	Quảng Ngãi	5,25	4,25	2,40		11,90	NV1	
193	210271	P.12	LTV	Nguyễn Dương Đồng Tiến	Nam	25/08/2010	Quảng Ngãi	4,25	2,50	5,10		11,85	NV1	
194	210049	P.03	LTV	Trần Kỳ Duyên	Nữ	14/04/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,00	2,80		11,80	NV1	
195	210254	P.11	LTV	Nguyễn Minh Thành	Nam	10/10/2010	Quảng Ngãi	3,75	2,75	5,30		11,80	NV1	
196	210227	P.10	LTV	Đào Quang Phú	Nam	11/02/2010	Quảng Ngãi	6,25	3,50	2,00		11,75	NV1	
197	210247	P.11	LTV	Huỳnh Hồng Sơn	Nam	23/11/2010	Quảng Ngãi	4,75	3,25	3,70		11,70	NV1	
198	210256	P.11	LTV	Cao Thị Bích Thảo	Nữ	15/11/2010	Quảng Ngãi	4,25	3,75	3,70		11,70	NV1	
199	210228	P.10	LTV	Lê Quang Phú	Nam	22/12/2010	Quảng Ngãi	5,75	4,00	1,90		11,65	NV1	
200	210013	P.01	LTV	Võ Lan Anh	Nữ	17/09/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,00	3,60		11,60	NV1	
201	210127	P.06	LTV	Nguyễn Hà Khoa	Nam	24/09/2010	Quảng Ngãi	3,25	4,75	3,60		11,60	NV1	
202	210251	P.11	LTV	Trần Phạm Phước Tấn	Nam	22/10/2010	Quảng Ngãi	5,50	2,50	3,60		11,60	NV1	
203	210278	P.12	LTV	Đặng Văn Thái Toàn	Nam	19/06/2010	Quảng Ngãi	3,75	3,00	4,70		11,45	NV1	
204	210286	P.12	LTV	Cao Nguyễn Xuân Trâm	Nữ	10/04/2010	Quảng Ngãi	6,00	3,50	1,90		11,40	NV1	
205	210259	P.11	LTV	Huỳnh Hữu Thiện	Nam	13/11/2010	Quảng Ngãi	4,75	2,75	3,80		11,30	NV1	
206	210106	P.05	LTV	Phan Anh Huy	Nam	07/05/2010	Quảng Ngãi	6,50	2,25	2,50		11,25	NV1	
207	210120	P.05	LTV	Võ Thành Khánh Khang	Nam	13/07/2010	Quảng Ngãi	3,25	4,50	3,50		11,25	NV1	
208	210173	P.08	LTV	Huỳnh Bảo Nam	Nam	25/09/2010	Quảng Ngãi	4,50	2,25	3,50	1,00	11,25	NV1	
209	210169	P.08	LTV	Nguyễn Thị Thảo My	Nữ	18/06/2009	Quảng Ngãi	6,25	1,25	3,70		11,20	NV1	
210	210243	P.11	LTV	Ngô Quốc Sang	Nam	09/09/2010	Quảng Ngãi	4,00	5,00	2,20		11,20	NV1	
211	210253	P.11	LTV	Phạm Phan Thái	Nam	13/12/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,75	2,40		11,15	NV1	
212	210030	P.02	LTV	Nguyễn Văn Châu	Nam	13/07/2010	Quảng Ngãi	4,75	2,25	4,10		11,10	NV1	

STT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Văn	Toán	T.Anh				
213	210063	P.03	LTV	Trần Mai Điền	Nam	16/02/2010	Quảng Ngãi	4,50	4,00	2,60		11,10	NV1	
214	210294	P.13	LTV	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	19/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	3,50	3,50	4,10		11,10	NV1	
215	210303	P.13	LTV	Nguyễn Vũ Trường	Nam	17/08/2010	Quảng Ngãi	4,75	2,75	3,60		11,10	NV1	
216	210053	P.03	LTV	Trịnh Bảo Dương	Nam	24/03/2010	Quảng Ngãi	4,00	5,25	1,80		11,05	NV1	
217	190186	P8	TQD	Trần Minh Nhật	Nam	28/02/2010	Quảng Ngãi	5,00	3,50	3,70		12,20	NV2	
218	220076	P04	DP2	Võ Minh Đức	Nam	22/10/2010	Bình Định	4,50	4,75	3,10		12,35	NV2	
219	220142	P06	DP2	Huỳnh Phạm Ngọc Thuyền Kim	Nữ	25/01/2010	Bình Định	4,00	6,00	2,20		12,20	NV2	
220	220144	P06	DP2	Võ Ngọc Mỹ Lam	Nữ	09/11/2010	Quảng Ngãi	6,25	3,75	2,20		12,20	NV2	

221 190043 P01 TQD Lê Nguyễn Khoa An

Danh sách này có: 221 học sinh trúng tuyển

Trong đó: + Tuyển thẳng: 02 học sinh

+ Nguyên vọng 1: 214 học sinh

+ Nguyên vọng 2: 05 học sinh

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thái

Người lập danh sách

[Signature]

Nguyễn Xuân Sang

Danh sách này có: 220 học sinh được đề nghị xét duyệt

Trong đó: + Tuyển thẳng: 02 học sinh

+ Nguyên vọng 1: 214 học sinh

+ Nguyên vọng 2: 04 học sinh

05

Quảng Ngãi, ngày 4 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Việt